

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG BẢO ĐẢM SỰ PHÙ HỢP GIỮA QUAN HỆ SỞ HỮU VÀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI TRONG THỜI ĐẠI SỐ Ở VIỆT NAM

★ TS NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.583.2026.303>

● **Tóm tắt:** Trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn là vấn đề trung tâm, là quy luật cơ bản quyết định sự vận động và biến đổi của các hình thái kinh tế - xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng, quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nếu không sẽ trở thành lực cản đối với sự phát triển (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2021, tr.149-151). Bài viết phân tích những đặc trưng của lực lượng sản xuất hiện đại cũng như sự biến đổi của quan hệ sản xuất, nhất là quan hệ sở hữu trong bối cảnh thời đại số, từ đó làm rõ vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm sự phù hợp, hài hòa của mối quan hệ này ở Việt Nam hiện nay.

● **Từ khóa:** vai trò của Nhà nước; sự phù hợp; quan hệ sở hữu, lực lượng sản xuất hiện đại, thời đại số.

The role of the State in ensuring the compatibility between ownership relations and modern productive forces in the digital era in Vietnam

● **Abstract:** Throughout the developmental progress of human history, the relationship between relations of production and productive forces has always been a central issue and a fundamental law determining the movement and transformation of socio-economic formations. Marxism-Leninism affirms that the relations of production must be compatible with the development level of the productive forces; otherwise, they will become a barrier to development (Ho Chi Minh National Academy of Politics, 2021, pp. 149-151). The article analyzes the characteristics of modern productive forces as well as the transformations of production relations, especially ownership relations, in the context of the digital era, thereby clarifying the role of the State in ensuring the compatibility and harmony of this relationship in Vietnam today.

● **Keywords:** Keywords: role of the State; compatibility; ownership relations; modern productive forces; digital era.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh thời đại số, lực lượng sản xuất hiện đại ở Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng với sự xuất hiện của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và nền kinh tế số. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc điều chỉnh quan hệ sản xuất, đặc biệt là quan hệ sở hữu để tạo lập sự phù hợp và phát huy tối đa tiềm năng của lực lượng sản xuất mới. Trong điều kiện đó, vai trò của Nhà nước trở nên đặc biệt quan trọng, không chỉ với tư cách là người kiến tạo thể chế, mà còn là chủ thể điều tiết, bảo đảm công bằng xã hội và định hướng phát triển bền vững, đưa đất nước tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về sự phù hợp giữa quan hệ sở hữu với lực lượng sản xuất hiện đại

Về lực lượng sản xuất hiện đại.

Theo triết học Mác - Lênin, lực lượng sản xuất là toàn bộ những năng lực thực tiễn của xã hội, bao gồm con người và tư liệu sản xuất, được sử dụng để tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phát triển của con người. Lực lượng sản xuất bao gồm hai yếu tố cơ bản: (i) Người lao động - đây là chủ thể của quá trình sản xuất, là yếu tố quan trọng nhất, mang sức mạnh vật chất và tinh thần, có khả năng sáng tạo và sử dụng công cụ lao động tùy biến. (ii) Tư liệu sản xuất - bao gồm công cụ lao động (máy móc, thiết bị, công cụ cầm tay...) và đối tượng lao động (nguyên nhiên vật liệu có sẵn trong tự nhiên hoặc do con người tạo ra). Trình độ phát triển của công cụ lao động được coi là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của con người (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2021, tr.144). Lực lượng sản xuất có vai trò quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội và là động lực thúc đẩy

sự thay đổi của lịch sử. Sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định đến sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội cả về lượng và chất.

Trên cơ sở triết học Mác - Lênin, lực lượng sản xuất hiện đại có những đặc trưng nổi bật gắn chặt với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại.

Thứ nhất, khoa học ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đây là điểm khác biệt rõ rệt nhất so với thời kỳ C.Mác, Ph.Ăngghen nghiên cứu. Trong xã hội hiện đại, khoa học không chỉ là yếu tố gián tiếp mà đã trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, làm thay đổi căn bản tính chất, trình độ và hiệu quả của hoạt động sản xuất. Các thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, blockchain, IoT, điện toán đám mây... đã trở thành những yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất hiện đại.

Thứ hai, vai trò của con người với tư cách là chủ thể sáng tạo. Mặc dù máy móc và công nghệ phát triển với trình độ ngày càng hiện đại, vai trò của con người không suy giảm đi mà còn được khẳng định ở tầm cao mới. Người lao động hiện đại không chỉ vận hành máy móc mà còn là chủ thể sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, quản lý và điều khiển các hệ thống sản xuất phức tạp. Đó là đội ngũ lao động trí thức, kỹ sư công nghệ, chuyên gia dữ liệu... Trong bối cảnh đó, trí tuệ, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trở thành những yêu cầu mang tính quyết định.

Thứ ba, tư liệu sản xuất ngày càng hiện đại, thông minh và có tính thay thế cao đối với lao động thủ công. Các dây chuyền sản xuất tự

động, rôbot công nghiệp, hệ thống máy tính điều khiển sản xuất, mạng viễn thông, trung tâm dữ liệu lớn, nền tảng số quốc gia... đang trở thành những yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất trong thời đại số ngày nay.

Có thể thấy, sự kết hợp chặt chẽ, hữu cơ giữa khoa học, công nghệ, con người và tư liệu sản xuất hiện đại đã hình thành nên lực lượng sản xuất hiện đại. Khoa học - công nghệ được vật hóa thành tư liệu sản xuất tiên tiến, được con người sử dụng để tạo ra của cải vật chất với năng suất, chất lượng vượt trội so với các giai đoạn phát triển trước đây.

Về quan hệ sản xuất (quan hệ sở hữu) trong bối cảnh mới

Quan hệ sở hữu là nền tảng của quan hệ sản xuất, là quan hệ cơ bản trong nội hàm quan hệ sản xuất, chi phối quan hệ tổ chức quản lý sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm lao động. Quan hệ sở hữu phản ánh cách thức con người chiếm hữu và sử dụng tư liệu sản xuất. Trong thời đại số, nội hàm của quan hệ sở hữu đang có những biến đổi sâu sắc. Bên cạnh những hình thức sở hữu truyền thống như sở hữu đất đai, nhà xưởng, máy móc, ngày càng xuất hiện nhiều hình thức mới gắn với nền kinh tế số, như sở hữu trí tuệ (bản quyền phần mềm, bằng sáng chế, thương hiệu), sở hữu dữ liệu (dữ liệu cá nhân, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu quốc gia), sở hữu nền tảng công nghệ, quyền truy cập dữ liệu...

Sự biến đổi của khái niệm “sở hữu” trước tài sản số, dữ liệu số

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, khái niệm “sở hữu” luôn là một phạm trù trung tâm, định hình các mối quan hệ kinh tế - xã hội, pháp lý và đạo đức. Theo truyền thống, sở hữu gắn liền với quyền kiểm soát, chiếm hữu và hưởng thụ các vật thể hữu hình. Việc xác định chủ sở

hữu thường dựa trên các bằng chứng vật lý (giấy tờ, biển số xe, sổ đỏ) hoặc các giao dịch mua bán rõ ràng (các hợp đồng). Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của kỷ nguyên số, với sự ra đời của tài sản số, dữ liệu số và các hình thức sở hữu phi vật thể khác đã làm thay đổi các định nghĩa truyền thống về sở hữu. Khái niệm “sở hữu” không chỉ là nắm giữ một vật thể vật lý, mà ngày càng mang tính phi vật thể, trừu tượng và đa tầng hơn.

Theo Deloitte (2024), tài sản số là những đại diện cho giá trị được tạo ra và lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số. Các tài sản này có thể là tiền điện tử, NFT (Non-Fungible Tokens) hoặc các mã thông báo kỹ thuật số khác (Token) đại diện cho giá trị hoặc tiện ích. Các nghiên cứu học thuật chỉ ra rằng, tài sản số không chỉ là các tệp dữ liệu mà còn gắn với các quyền có thể giao dịch như quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc cấp phép (Dowling, M., 2022, tr.44). Đặc biệt, NFT cho phép đại diện và xác thực quyền đối với nhiều loại tài sản như tác phẩm nghệ thuật số, âm nhạc, vật phẩm trong game hay tài sản trí tuệ thông qua công nghệ blockchain (Hong Bao & Roubaud, D., 2022, tr.215).

Dữ liệu số là thông tin được biểu hiện dưới dạng mã nhị phân, có thể được thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền tải qua các hệ thống kỹ thuật số. Dữ liệu có thể là cá nhân (tên, tuổi, địa chỉ, lịch sử duyệt web), dữ liệu doanh nghiệp (dữ liệu bán hàng, vận hành, hành vi khách hàng), hoặc dữ liệu công cộng. Trong bối cảnh hiện nay, dữ liệu ngày càng trở nên có giá trị kinh tế, là nguyên liệu đầu vào cho các thuật toán AI, phân tích kinh doanh, marketing cá nhân hóa và nhiều ứng dụng khác.

Việc sử dụng khái niệm sở hữu truyền thống cho các yếu tố mới như tài sản số, dữ liệu số đặt ra nhiều thách thức mới.

Một là, tính phi vật thể và dễ sao chép. Một trong những vấn đề cốt lõi của tài sản số là sự phá vỡ các nền tảng truyền thống của khái niệm quyền sở hữu. Khác với tài sản vật lý, tài sản số tồn tại dưới dạng dữ liệu nhị phân, không có hình thái vật chất cụ thể và có thể được sao chép vô hạn mà không làm suy giảm giá trị hay chất lượng của bản gốc. Theo báo cáo của Hiệp hội Luật sư quốc tế (International Bar Association, 2021), các nội dung số “có thể được tái tạo vô hạn mà không có sự khác biệt đáng kể giữa các bản sao”, điều này làm suy yếu khái niệm “bản gốc” vốn là nền tảng của quyền sở hữu trong thế giới vật lý. Trong bối cảnh đó, các học giả như Michael Dowling (Dowling, M., 2022) và Foteini Valeonti (Valeonti, F. et al, 2021) cho rằng, cần phân biệt rõ giữa tài sản số với quyền sở hữu đối với tài sản đó. Cụ thể, NFT không phải là bản thân tài sản số mà chỉ là một token đại diện cho quyền sở hữu hoặc quyền liên quan, đóng vai trò như một “chứng nhận” hơn là đối tượng sở hữu trực tiếp. Quan điểm này được củng cố bởi Kaisto (Kaisto, J. et al, 2024, tr.14), khi nhóm nghiên cứu này cho rằng, NFT tương tự như một biên lai có chữ ký, xác nhận một mối quan hệ pháp lý hơn là bản thân tài sản.

Từ góc độ pháp lý, (Savelyev, A., 2018, tr.863-869) lập luận rằng, cần tách biệt quyền đối với token và quyền đối với tài sản cơ sở, bởi việc nắm giữ một bản sao kỹ thuật số không đồng nghĩa với việc sở hữu hợp pháp tài sản đó. Điều này dẫn đến một thực tế, trong môi trường số, quyền sở hữu không còn gắn với việc kiểm soát vật lý đối tượng, mà được xác lập thông qua các cơ chế pháp lý (như quyền tác giả, giấy phép sử dụng) hoặc công nghệ (như blockchain). Do đó, câu hỏi “ai là chủ sở hữu thực sự của một tệp tin có thể được sao chép hàng triệu lần” không có câu trả lời đơn nhất, mà phải được tiếp cận đa tầng: người

sáng tạo có thể nắm giữ quyền tác giả; người mua NFT có thể sở hữu token đại diện; trong khi công chúng vẫn có thể truy cập và sao chép nội dung ở dạng dữ liệu. Điều này phản ánh sự chuyển dịch căn bản từ mô hình sở hữu vật lý sang mô hình sở hữu dựa trên quyền và sự công nhận trong hệ thống pháp lý - công nghệ.

Hai là, tính phân tán và phi tập trung. Nhiều tài sản số, đặc biệt là tiền điện tử và NFT, hoạt động trên các nền tảng phi tập trung như blockchain. Quyền sở hữu được xác định bằng các khóa mã hóa cá nhân, thay vì bằng các giấy tờ pháp lý truyền thống. Trong bối cảnh hiện nay, điều đó sẽ làm cho việc xác định quyền sở hữu theo pháp luật hiện hành ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam trở nên phức tạp hơn.

Ba là, sự phức tạp của quyền sử dụng và quyền sở hữu. Trong môi trường số, ranh giới giữa “quyền sử dụng” và “quyền sở hữu” trở nên mờ nhạt. Khi chúng ta mua một bài hát số, thường chỉ mua giấy phép sử dụng chứ không hẳn là sở hữu bản nhạc đó mãi mãi và có toàn quyền định đoạt. Tương tự, việc sở hữu một NFT có thể đi kèm với các quyền khác nhau tùy thuộc vào hợp đồng thông minh (smart contract) đính kèm¹.

¹ Hợp đồng thông minh (smart contract) là một chương trình máy tính được lưu trữ trên blockchain, tự động thực thi các điều khoản của một thỏa thuận khi các điều kiện được xác định trước được đáp ứng. Về cơ bản, nó hoạt động giống như một hợp đồng truyền thống nhưng được số hóa và tự động hóa hoàn toàn, loại bỏ nhu cầu về sự can thiệp của bên thứ ba để xác minh hoặc thực thi. Khi các điều kiện được đáp ứng (ví dụ: thanh toán được nhận, một sự kiện xảy ra), hợp đồng thông minh sẽ tự động thực thi các hành động đã được lập trình sẵn (ví dụ: chuyển giao quyền sở hữu, giải ngân quỹ).

Bốn là, khó khăn trong việc xác định chủ thể sở hữu hợp pháp và giao dịch của tài sản số. Các giao dịch số diễn ra nhanh chóng, có tính xuyên biên giới, đó sẽ là thách thức, khó khăn cho cơ quan pháp lý trong việc điều chỉnh và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể khi có tranh chấp hoặc gian lận liên quan đến tài sản số.

Vai trò của các hình thức sở hữu đối với sự phát triển lực lượng sản xuất hiện đại trong đó có cả lực lượng sản xuất số.

Quan hệ sở hữu phản ánh quan hệ giữa người với người về mặt chiếm hữu tư liệu sản xuất. Các hình thức sở hữu cơ bản bao gồm: (i) Sở hữu nhà nước; (ii) Sở hữu tập thể; (iii) Sở hữu tư nhân và (iv) Sở hữu hỗn hợp.

Thứ nhất, vai trò của sở hữu nhà nước đối với việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại

Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc đầu tư vào các lĩnh vực mà khu vực tư nhân không có khả năng hoặc không muốn đầu tư do mức độ rủi ro cao hoặc thời gian thu hồi vốn dài. Chẳng hạn như cơ sở hạ tầng công cộng (giao thông, năng lượng, viễn thông), các ngành công nghiệp nền tảng, lĩnh vực công nghệ cao gắn với quốc phòng và an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, Nhà nước thông qua sử dụng sở hữu nhà nước có thể điều tiết nền kinh tế, khắc phục những thất bại của thị trường, bảo đảm sự phát triển cân đối giữa các vùng miền và các ngành kinh tế, thúc đẩy phân phối lại thu nhập, hạn chế bất bình đẳng...

Thông qua việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước và ban hành các quy định pháp luật, Nhà nước tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền lợi cho mọi chủ thể sở hữu. Ngoài ra, trong một số trường hợp, các doanh nghiệp nhà nước có thể tiên phong trong việc tiếp nhận và ứng dụng các công nghệ mới mang

tính đột phá, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác học hỏi và phát triển theo.

Thứ hai, vai trò của sở hữu tập thể đối với việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại

Sở hữu tập thể phát huy tính chủ động, sáng tạo và nguồn lực của cộng đồng, đặc biệt trong các lĩnh vực mà tính liên kết là yếu tố then chốt. Trong kỷ nguyên số, sở hữu tập thể được biểu hiện dưới các hình thức mới như cộng đồng blockchain, dự án mã nguồn mở, nền tảng dữ liệu mở... Trong mô hình này, các thành viên cùng đóng góp, phát triển và thụ hưởng lợi ích từ tài sản số được tạo ra. Các hình thức sở hữu tập thể thường gắn liền với trách nhiệm xã hội và sự gắn kết cộng đồng, khuyến khích các thành viên cùng nhau phát triển bền vững, chia sẻ lợi ích công bằng. Ví dụ, các hợp tác xã nông nghiệp hiện đại ngày nay không chỉ chia sẻ kinh nghiệm canh tác mà còn đầu tư chung vào công nghệ chế biến, bao bì, xây dựng thương hiệu, tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với từng cá nhân riêng lẻ và cùng hưởng lợi từ sản phẩm chung. Tương tự, các dự án mã nguồn mở (open-source) toàn cầu là minh chứng tiêu biểu cho hiệu quả của sở hữu tập thể trong việc phát triển phần mềm, hệ điều hành, thuật toán mà không phụ thuộc vào sự đầu tư ban đầu từ một cá nhân hay doanh nghiệp đơn lẻ.

Thứ ba, vai trò của sở hữu tư nhân đối với việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại

Sở hữu tư nhân gắn liền với lợi ích cá nhân và doanh nghiệp, qua đó tạo động lực mạnh mẽ cho việc đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới nhằm tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh của khối doanh nghiệp này. Các doanh nghiệp tư nhân thường có cơ chế quản lý linh hoạt, ra quyết định

nhANH chóng, thích ứng tốt với sự biến động của thị trường và xu hướng công nghệ. Bên cạnh đó, sự tồn tại của nhiều doanh nghiệp tư nhân trong cùng một ngành tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt, buộc các doanh nghiệp phải liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Hơn nữa, khu vực tư nhân có khả năng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau (vốn tự có, vay ngân hàng, phát hành cổ phiếu, gọi vốn đầu tư mạo hiểm...), tạo điều kiện để đầu tư vào các dự án phát triển lực lượng sản xuất hiện đại đòi hỏi nguồn vốn lớn. Ví dụ như, sự phát triển của các tập đoàn công nghệ tư nhân toàn cầu như Apple, Microsoft, Google, Samsung, hay các doanh nghiệp công nghệ tại Việt Nam (FPT, VNG, MoMo...) là những minh chứng rõ nét cho vai trò của sở hữu tư nhân trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm đột phá và dẫn dắt sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại, đặc biệt là lực lượng sản xuất số. Thêm nữa, sự xuất hiện của các quỹ đầu tư mạo hiểm như ThinkZone Ventures, Mekong Capital, VinaCapital Ventures, Cyber-Agent Capital... rót vốn vào các startup công nghệ cho thấy khả năng huy động vốn và chấp nhận rủi ro của khu vực tư nhân trong việc phát triển các ý tưởng xây dựng lực lượng sản xuất mới.

Thứ tư, vai trò của sở hữu hỗn hợp

Mô hình sở hữu đa thành phần cho phép kết hợp điểm mạnh của sở hữu nhà nước (ổn định, định hướng chiến lược, đầu tư hạ tầng), sở hữu tập thể (hợp tác, chia sẻ, trách nhiệm cộng đồng) và sở hữu tư nhân (đổi mới, hiệu quả, cạnh tranh) để tạo ra một hệ thống lực lượng sản xuất hiện đại. Trong nhiều lĩnh vực của lực lượng sản xuất hiện đại đòi hỏi sự phối hợp của nhiều chủ thể, sở hữu đa thành phần tạo điều

kiện cho việc hình thành các liên minh chiến lược, dự án hợp tác công-tư (PPP) trở nên hiệu quả hơn, thúc đẩy các dự án phát triển lực lượng sản xuất có quy mô và tầm ảnh hưởng sâu rộng. Chẳng hạn như, các dự án phát triển hạ tầng số quốc gia, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các công nghệ nguồn như AI, blockchain thường là kết quả của sự hợp tác giữa Nhà nước (định hướng, hỗ trợ vốn ban đầu, ban hành khung pháp lý), các doanh nghiệp tư nhân (đầu tư, ứng dụng công nghệ, vận hành) và các viện nghiên cứu/trường đại học (nghiên cứu, đào tạo). Bên cạnh đó, sự phát triển của các khu công nghệ cao, khu đô thị thông minh chủ yếu là mô hình sở hữu đa thành phần, với sự tham gia của Nhà nước (quy hoạch, hạ tầng), doanh nghiệp (xây dựng, vận hành) và các nhà đầu tư tư nhân trong huy động nguồn lực xã hội.

2.2. Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất hiện đại bối cảnh hiện nay

Quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trong những quy luật cơ bản, phổ biến của sự vận động và phát triển xã hội theo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự phù hợp này bảo đảm cho lực lượng sản xuất được giải phóng và phát triển, thúc đẩy phương thức sản xuất và xã hội vận động đi lên. Trong bối cảnh thế giới đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất hiện đại (công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế tri thức...), việc bảo đảm sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất càng trở nên cấp thiết và phức tạp hơn bao giờ hết. Nhà nước với vai trò là cơ quan quản lý vĩ mô, đóng vai trò trung tâm trong việc định

hướng, kiến tạo và bảo đảm sự phù hợp này, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là yêu cầu khách quan của sự phát triển xã hội. Khi lực lượng sản xuất thay đổi, quan hệ sản xuất cần phải thay đổi theo để phù hợp. Trong nền kinh tế hiện đại, sự biến đổi của lực lượng sản xuất diễn ra nhanh chóng, đòi hỏi quan hệ sản xuất phải có tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao. Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng, tạo dựng và điều chỉnh quan hệ sản xuất để phù hợp với lực lượng sản xuất, đặc biệt là khi lực lượng sản xuất mang tính đột phá và có thể dẫn đến sự mất cân đối, bất bình đẳng nếu không được quản lý tốt.

Thứ nhất, Nhà nước với vai trò kiến tạo và hoàn thiện thể chế. Nhà nước giữ vai trò xây dựng khung pháp lý và các quy tắc điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh lực lượng sản xuất hiện đại thay đổi nhanh chóng, các quy định pháp luật truyền thống có thể trở nên lạc hậu. Nhà nước cần chủ động kiến tạo, sửa đổi, bổ sung thể chế để quan hệ sản xuất luôn đi trước hoặc theo kịp sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Đại hội XIV của Đảng nhận định: “Thể chế là “điểm nhấn của điểm nhấn” nhưng cũng là “đột phá của đột phá”. Phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tháo gỡ rào cản, khơi thông nguồn lực, tạo động lực phát

triển mới” (ĐCSVN, 2026, tr.28). Trong thực tiễn, điều này đòi hỏi Nhà nước phải sửa đổi, ban hành các đạo luật mới để điều chỉnh các vấn đề mới phát sinh liên quan đến sở hữu trí tuệ số, quyền sở hữu dữ liệu, quyền tác giả đối với tác phẩm số, bảo vệ quyền lợi của người sáng tạo và người tiêu dùng trong môi trường số. Đồng thời, Nhà nước cần ban hành các quy định rõ ràng về thuế, trách nhiệm pháp lý, bảo vệ người tiêu dùng cho các mô hình kinh doanh mới như

kinh tế chia sẻ (Grab, Airbnb), các nền tảng số, các giao dịch tài sản số (tiền mã hóa, NFT).

Ngoài ra, việc cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan, đặc biệt cho các doanh nghiệp công nghệ, startup, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo. Về vấn đề này, Đảng ta cũng nhấn

mạnh: “Kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, giảm tối đa thủ tục hành chính; đẩy mạnh số hoá toàn diện, toàn trình, liên thông dữ liệu. Lấy thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng cải cách; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh” (ĐCSVN, 2026, tr.29).

Thứ hai, Nhà nước với vai trò định hướng đầu tư và phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Nhà nước xác định các ưu tiên chiến lược, định hướng đầu tư vào các lĩnh vực lực lượng sản xuất then chốt, có tiềm năng phát triển đột phá và mang lại lợi ích quốc gia, đồng thời điều

chính các chính sách để lực lượng sản xuất phát triển theo hướng bền vững, bao trùm. Nhà nước ban hành chính sách quốc gia về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu cơ bản, phát triển công nghệ cao (AI, Big Data, IoT, Blockchain, công nghệ sinh học...), hỗ trợ các trung tâm nghiên cứu, vườn ươm công nghệ và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Ví dụ: Chính phủ có các chương trình hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng AI, phát triển kinh tế số hay đầu tư vào hạ tầng số, như xây dựng hạ tầng viễn thông, internet băng thông rộng, hạ tầng năng lượng sạch, hạ tầng dữ liệu quốc gia... tạo nền tảng vật chất cho lực lượng sản xuất hiện đại phát triển. Ngoài ra, Nhà nước có các chính sách ưu đãi, khuyến khích các tập đoàn công nghệ lớn của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao cho đất nước.

Thứ ba, Nhà nước với vai trò điều tiết quan hệ sản xuất, bảo đảm sự phù hợp và công bằng đối với mọi thành phần, chủ thể tham gia quá trình phát triển. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất hiện đại có thể dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong quan hệ sản xuất, tiềm ẩn nguy cơ phân hóa giàu nghèo, độc quyền, bất bình đẳng. Nhà nước cần can thiệp để điều tiết, bảo đảm quan hệ sản xuất phát triển phù hợp, thúc đẩy sự phân phối công bằng và bảo vệ các nhóm yếu thế. Chẳng hạn như, trong lĩnh vực tài chính và thuế, Nhà nước có thể áp dụng cơ chế thuế lũy tiến, thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, tài sản số để điều tiết thu nhập, bảo đảm nguồn lực cho ngân sách nhà nước và phân phối lại thu nhập.

Bên cạnh đó, Nhà nước chú trọng đầu tư vào giáo dục, đào tạo lại, đào tạo nghề để giúp

người lao động thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Ngoài ra, Nhà nước cần ban hành và thực thi luật cạnh tranh, kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế, ngăn chặn sự lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường của các doanh nghiệp công nghệ lớn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các doanh nghiệp nhỏ. Cùng với đó là ban hành các quy định về quyền riêng tư, bảo mật dữ liệu, nhằm bảo vệ người dân khỏi sự xâm phạm và lạm dụng dữ liệu cá nhân trong thời đại công nghệ số.

Thứ tư, Nhà nước thực hiện vai trò thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong bối cảnh lực lượng sản xuất hiện đại ngày càng dựa trên tri thức và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại. Nhà nước cần có các chiến lược dài hạn để đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và giữ nhân tài. Cần cải cách chương trình đào tạo các cấp, từ phổ thông đến đại học, tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng số, tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề.

Về vấn đề này, Đại hội XIV đã có một bước chuyển nhận thức mới khi sử dụng thuật ngữ “giáo dục quốc dân” thay cho “giáo dục, đào tạo” thường dùng trước đây để xác định một tầm nhìn rộng mở hơn: “Thực hiện có hiệu quả các quyết sách chiến lược nhằm xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược” (ĐCSVN, 2026, tr.100-101).

Song song với đó là xây dựng chính sách đãi ngộ, cơ chế làm việc hấp dẫn để thu hút các chuyên gia giỏi trong nước và kiều bào trở về, tạo môi trường thuận lợi cho họ phát huy tài năng. Tạo điều kiện để người lao động có thể liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng mới, thích ứng với sự thay đổi của lực lượng sản xuất.

3. Kết luận

Trong bối cảnh lực lượng sản xuất hiện đại đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và chiếm vị trí quan trọng trong nền sản xuất của mỗi quốc gia, Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. Nhà nước không chỉ là chủ thể bảo vệ mà còn kiến tạo, định hướng và điều tiết mối quan hệ đó. Thông qua việc hoàn thiện thể chế, định hướng đầu tư, điều tiết quan hệ sản xuất và phát triển nguồn nhân lực, Nhà nước tạo ra môi trường thuận lợi cho lực lượng sản xuất hiện đại phát triển, bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế bền vững, công bằng xã hội và khả năng cạnh tranh quốc gia. Để thực hiện tốt vai trò đó, Nhà nước cần có tầm nhìn chiến lược, khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các chủ thể khác trong xã hội. Sự phù hợp, hài hòa giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất dưới sự dẫn dắt của Nhà nước là chìa khóa để nền kinh tế Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên số và tiến tới mục tiêu trở thành một quốc gia phát triển, thịnh vượng vào giữa thế kỷ XXI □

Ngày quyết định đăng: 20/9/2026.

Email tác giả: ngochcma@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Deloitte (2024). Blockchain & digital assets: What are digital assets?. *Deloitte Insights*. <https://www.deloitte.com>.

Dowling, M. (2022). Fertile LAND: Pricing non-fungible tokens. *Finance Research Letters*, 44, 102096. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2021.102096>.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021). *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị)*. Nxb Lý luận chính trị.

Hong Bao & Roubaud, D. (2022). None-Fungible Token: A Systematic Review and Research Agenda. *Journal of Risk and Financial Management*, 15(5), 215. <https://doi.org/10.3390/jrfm15050215>.

International Bar Association (2021). NFTs and digital asset ownership. <https://www.ibanet.org>.

Kaisto, J., et al. (2024). Non-fungible tokens and legal ownership: Separating digital assets and rights. *Computer Law & Security Review*, p.14. <https://doi.org/10.1016/j.clsr.2024.105789>.

Savelyev, A. (2018). Some risks of tokenization and blockchainization of private law. *Computer Law & Security Review*, 34(4), p.863-869. <https://doi.org/10.1016/j.clsr.2018.05.010>.

Valeonti, F., Bikakis, N., Terras, M., Speed, C., Hudson-Smith, A., & Chalkias, K. (2021). Crypto collectibles, museum funding and OpenGLAM: Challenges, opportunities and the potential of non-fungible tokens (NFTs). *Applied Sciences*, 11(21), 9931. <https://doi.org/10.3390/app11219931>.

Wang, Q. (2023). Legal aspects of NFTs and digital assets. *Laws*, 12(5), 59. <https://doi.org/10.3390/laws12050059>.

Ngày nhận bài: 20/4/2026;

Ngày bình duyệt: 02/7/2026;